

Số: 3035 /BC-UBND

Triệu sơn, ngày 03 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn huyện

1. Tình hình chung

Huyện Triệu Sơn nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Thanh Hóa, cách Thành Phố Thanh Hóa 20 km về phía Tây theo Quốc lộ 47. Huyện có diện tích tự nhiên 29.004,5 ha; dân số 204 ngàn người; có 36 xã, thị trấn (trong đó có 4 xã miền núi), 254 thôn, 57.364 hộ.

2. Tình hình chăn nuôi lợn trên địa bàn huyện

- Tổng đàn lợn thống kê tại thời điểm 03/6/2019 có 113.491 con, trong đó: Lợn nái 27.873 con (chiếm 24,5%), lợn đực giống 437 con (chiếm 0,38%), lợn thịt 50.938 con (chiếm 44,9%), lợn con theo mẹ 34.243 con (chiếm 30,2%).

- Tổng số hộ, cơ sở chăn nuôi lợn toàn huyện là 16.295; trong đó: Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ 15.797 (chiếm 97% số hộ) với 67.960 con (chiếm 60% tổng đàn); trang trại 23; doanh nghiệp 1; gia trại 474.

3. Tình hình dịch bệnh

- Huyện Triệu Sơn công bố dịch ngày 16/5/2019 tại 2 xã là Vân Sơn và Dân Lý; sau đó dịch bùng phát nhanh và lây lan ra diện rộng, đến ngày 06/8/2019 toàn huyện có 36/36 xã, thị trấn công bố dịch; cao điểm trong tháng 5/2019 số lợn tiêu hủy lên tới 388 con/ngày với trọng lượng 25 tấn/ngày (ngày 20/5/2019) tại 9 xã.

- Thực hiện các văn bản chỉ đạo của tỉnh, huyện đã chỉ đạo quyết liệt, tình hình dịch cuối tháng 6 đến đầu tháng 8 giảm đáng kể; số lợn tiêu hủy ngày 04/8/2019 chỉ còn 34 con với trọng lượng 1,9 tấn/ngày ở 8 xã; 3 xã công bố hết dịch (Bình Sơn, Tân Ninh công bố ngày 21/8/2019, Thọ Sơn công bố ngày 12/9/2019).

- Từ ngày 26/8/2019, dịch lây lan nhanh; từ ngày 10/9 đến nay dịch tiếp tục bùng phát nhanh, mức độ lây lan cực nhanh, diện rất rộng, đã tập trung nhiều vào các hộ đã giữ được an toàn trên đàn lợn từ khi có dịch và các gia trại, trang trại mới (Vân Sơn, Thọ Dân, Thọ Cường...), cụ thể: Số hộ có lợn ốm chết phải tiêu hủy tăng lên gấp 4 lần (từ ngày 15 đến ngày 30/8: trung bình tiêu hủy 130 con/ngày với trọng lượng 11 tấn/ngày; tháng 9 trung bình tiêu hủy 528 con/ngày

với trọng lượng 40 tấn/ngày, trong đó đàn lợn nái chiếm 40,6%), cao điểm nhất là ngày 17/9 tiêu hủy 826 con với trọng lượng 62,3 tấn.

Lũy kế đến ngày 02/10/2019, dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 8.160 hộ, 243 thôn của 36/36 xã, thị trấn; tiêu hủy 35.167 con lợn với trọng lượng 2.394 tấn. Ngày 01/10/2019, xã Tân Ninh đã tái dịch. Hiện nay, trên địa bàn huyện dịch tả lợn châu Phi vẫn đang diễn biến rất phức tạp.

4. Công tác phòng chống dịch của huyện

- Huyện ủy, UBND huyện đã tổ chức 9 hội nghị (tại các ngày 16, 17, 20, 24/5, 3/6, 26/8, 09/9 và 17/9, 25/9) để triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp, biện pháp phòng chống dịch. Tại các hội nghị, đồng chí Bí thư Huyện ủy, đồng chí Chủ tịch UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt, cụ thể các giải pháp phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Huyện cũng đã hỗ trợ cho các xã, thị trấn kinh phí phòng chống dịch, có chính sách thưởng cho các xã, thị trấn công bố hết dịch và sau đó trong vòng một tháng không tái dịch là 100 triệu đồng.

- UBND huyện đã kiện toàn ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh, phân công các thành viên trực tiếp chỉ đạo các xã, thị trấn; Huyện ủy, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống dịch.

- Các đồng chí Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện, các đồng chí Thường vụ Huyện ủy - Trưởng cụm, thành viên Ban Chỉ đạo phòng chống dịch của huyện thường xuyên đi cơ sở kiểm tra, chỉ đạo công tác phòng, chống dịch tại các xã, thị trấn.

- Ngoài các biện pháp tuyên truyền đa dạng, UBND huyện đã hợp đồng tuyên truyền lưu động (trên xe ô tô, xe máy đến từng thôn, xóm) về công tác phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi để người chăn nuôi hiểu về các biện pháp phòng chống dịch; Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Trạm Thú y, Hội Nông dân huyện in, phát 16.350 tờ rơi với nội dung tuyên truyền về các biện pháp phòng chống dịch cụ thể, ngắn gọn, phát cho từng hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện.

- Hàng ngày, Phòng Nông nghiệp và PTNT đã tổng hợp tình hình công tác chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh, công tác tiêu hủy lợn, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy, lãnh đạo UBND huyện để có giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

- Các thành viên Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh của huyện đã tăng cường xuống các xã, thị trấn chỉ đạo, kiểm tra công tác tiêu hủy lợn, công tác phòng chống dịch bệnh, báo cáo UBND huyện định kỳ 2 ngày/lần và đột xuất khi cần.

- Đoàn kiểm tra liên ngành của huyện đã thường xuyên kiểm tra công tác phòng chống dịch của các xã, thị trấn, các cơ sở, cá nhân có liên quan để phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm. Đã phê bình Chủ tịch UBND các xã: Dân Lý,

Thọ Thế, Khuyến Nông, Thọ Tân và Bí Thư Đảng ủy xã Thọ Tân; nhắc nhở Chủ tịch UBND các xã: Thọ Sơn, Thọ Vực, Dân Lực, Dân Lý, Minh Sơn, Nông Trường; đình chỉ công tác đối với Chủ tịch UBND xã Nông Trường.

- Hỗ trợ vật tư, hóa chất và kinh phí phòng chống dịch:

Đã sử dụng 27.458 lít hóa chất (tính hỗ trợ 13.618 lít, huyện xã mua 13.840 lít), bảo hộ lao động 13.230 bộ (tính hỗ trợ 1.710 bộ, huyện, xã mua 11.520 bộ), bình động cơ phun hóa chất 13 cái (tính cấp 3 cái, huyện mua 10 cái), vôi bột 150 tấn...

Ngoài các vật tư hóa chất trên, huyện đã chỉ đạo các xã, các chủ trang trại, gia trại sử dụng nhiều biện pháp truyền thống như: cho lợn ăn chín uống sôi, uống nước giếng khoan, dùng nước vôi loãng, nước hóa chất loãng, nước muối loãng, thuốc tím, nước xà phòng thường xuyên rửa và vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống...

Huyện đã hỗ trợ các xã, thị trấn kinh phí phòng chống dịch (đề mua hóa chất, bảo hộ lao động...): 4.936 triệu đồng.

Tổng số tiền đã chi cho công tác phòng chống dịch của tỉnh và huyện là 10.486 triệu đồng (trong đó tỉnh hỗ trợ 2.549 triệu đồng).

- Hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi có lợn tiêu hủy do mắc dịch tả lợn Châu Phi: 16,7 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh. Tính đến 30/9/2019 còn thiếu khoảng 54 tỷ đồng.

5. Những khó khăn, vướng mắc

- Triệu Sơn là huyện có tổng đàn lợn rất lớn (chiếm 10% tổng đàn lợn của tỉnh), chủ yếu là chăn nuôi nhỏ lẻ ở 16.294 hộ (chiếm gần 30% số hộ của huyện). Phương thức chăn nuôi chủ yếu là chăn nuôi nhỏ lẻ tại hộ gia đình, tận dụng thức ăn dư thừa. Đặc biệt là số hộ chăn nuôi lợn nái để bán lợn sữa là rất lớn, với trên 27 ngàn con lợn nái nhưng lại nuôi nhỏ lẻ mỗi hộ từ 1 - 3 con để tận dụng thức ăn. Chuồng nuôi được làm sát nhà ở, gần với khu vực sinh hoạt của gia đình, các hộ chăn nuôi ở sát liền kề nhau, khó khăn trong việc chăn nuôi an toàn sinh học; khi phun hóa chất tiêu độc khử trùng rất dễ bỏ sót nhiều dụng cụ, địa điểm là trung gian lây truyền bệnh. Đây là đặc điểm cơ bản nhất, là điều kiện làm lây lan dịch bệnh và rất khó kiểm soát.

- Do dịch bệnh kéo dài, đến nay, kinh phí dự phòng của huyện, của các xã đã hết (dự phòng ngân sách của các xã, thị trấn khoảng 90 - 100 triệu đồng/xã; nhiều xã đã chi tới 250 - 350 triệu đồng) mặc dù tỉnh, huyện đã hỗ trợ một phần vật tư, hóa chất và kinh phí cho công tác chỉ đạo của xã.

- Ngày 22/7/2019, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Công văn số 5169/BNN-TY hướng dẫn bổ sung một số biện pháp phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi, theo đó việc tiêu hủy lợn chỉ thực hiện ở lợn ốm, chết ở cùng ô chuồng,

con khỏe mạnh có kết quả xét nghiệm âm tính thì được giết mổ hoặc nuôi cách ly, tuy nhiên việc lấy mẫu xét nghiệm ở các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ là rất khó khăn, đây là nguyên nhân làm cho mầm bệnh phát tán, lây lan diện rộng.

6. Đề xuất, kiến nghị

- Do dịch kéo dài, công tác phòng chống dịch ở các xã, thị trấn cần nhiều lao động, trong khi ngân sách huyện, xã hạn hẹp, nguồn dự phòng đã hết; đề nghị tỉnh tiếp tục hỗ trợ hóa chất, vật tư phòng chống dịch và hỗ trợ kinh phí phòng chống dịch cho các xã.

- Việc thực hiện Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về mức hỗ trợ kinh phí 200.000 đồng/ngày làm việc và 400.000 đồng/ngày đối với ngày nghỉ, lễ, tết cho cán bộ thú y và những người tham gia phòng chống dịch ở xã gặp nhiều khó khăn do không có kinh phí để thực hiện. Hiện nay ở xã chỉ chi trả được 50.000 đến 100.000 đồng/ngày. Đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ thêm kinh phí cho thực hiện công tác phòng chống dịch.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT kiến nghị với Chính phủ xem xét giảm mức hỗ trợ đối với lợn tiêu hủy do dịch tả lợn châu Phi nhằm nâng cao ý thức người chăn nuôi, dần dần giảm hộ chăn nuôi nhỏ lẻ nếu không đảm bảo chăn nuôi an toàn sinh học; xem xét sửa đổi điều chỉnh chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ để không khuyến khích chăn nuôi nhỏ lẻ gây khó khăn trong công tác phòng chống dịch bệnh và sản xuất thực phẩm an toàn.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT kiến nghị Chính phủ không hỗ trợ đối với lợn tiêu hủy do dịch tả lợn châu Phi đối với các hộ chăn nuôi tái đàn khi ở địa phương (xã, thị trấn) đang có dịch và không đảm bảo điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Các Sở, ngành, đơn vị liên quan (b/c);
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Vũ Đức Kính

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG LỢN TIÊU HỦY

Ngày 2/10/2019

STT	Tên xã	Tổng đàn	Ngày công bố dịch	Ngày công bố hết dịch	Số thôn	Số hộ	Số lượng, trọng lượng				Phân loại lợn						Lũy kế (Từ ngày 16/5-2/10)			
							Số lượng	Trọng lượng	Nái		Thịt		Đực		Lợn theo mẹ		Số thôn	Số hộ	Con	Trọng lượng
									Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng				
	Tổng	113491			90	166	393	26.761,5	120	17.207	223	8.961	2	412	48	182	243	8.160	35.167	2.394.602,7
1	Vân Sơn	5733	16,5		4	9	40	1.856	8	1.380	22	389			10	87			2.161,0	154.686,0
2	Dân Lý	824	16,5				0	-											506,0	53.556,0
3	Khuyến Nông	2743	17,5		6	8	9	1.143	8	1.125	1	18							1.754,0	155.296,5
4	Tiến Nông	1948	17,5		2	3	11	380			11	380							2.761,0	169.251,0
5	Dân Quyền	8744	20,5		9	36	52	6.243	31	4.979	20	1001	1	263					1.767,0	164.543,0
6	Đồng Tiến	3240	20,5		2	4	4	532	4	532									2.039,0	122.608,2
7	Thái Hòa	3070	20,5		4	8	11	1.249	9	1.177	2	72							756,0	53.914,0
4	An Nông	1229	20,5		2	3	13	409	1	192	7	208			5	9			884,0	52.446,0
9	Đồng Thắng	7641	20,5		1	4	4	421	4	421									1.844,0	117.011,0
10	Nông Trường	5076	20,5		4	13	22	1.149	6	785	10	339			6	25			2.779,0	209.342,0
11	Thọ Dân	2951	20,5				0	-											944,0	56.723,0
12	Hợp Thành	4498	20,5		4	6	19	1.115	4	626	15	489							1.624,0	111.476,0
13	Hợp Thắng	2670	20,5		2	2	11	169,0	1	139					10	30			1.584,0	75.626,7
14	Thọ Thế	1597	20,5		2	3	3	370	3	370									850,0	60.148,0
15	Triệu Thành	5890	23,5		6	7	16	511,5	1	97,0	15	414,5							1.203,0	58.793,4
16	Minh Sơn	2175	23,5		5	6	6	632	6	632									1.112,0	68.806,4
17	Thọ Phú	1378	23,5		2	3	10	247	1	78	4	154			5	15			853,0	49.420,0
18	Minh Dân	927	23,5		2	2	2	143			2	143							370,0	27.761,0
19	Đồng Lợi	2978	23,5		4	8	8	967	7	943	1	24							1.200,0	97.241,0
20	Dân Lực	2594	27,5		3	6	21	639	4	442	5	181			12	16			1.740,0	91.959,0
21	Thọ Tân	2844	3,6				0	-											737,0	77.035,5
22	Xuân Thịnh	2909	3,6		2	3	14	714			13	565	1	149					435,0	22.467,5
23	Hợp Tiến	2953	3,6				0	-											607,0	47.859,5
24	Hợp Lý	4449	10,6		1	3	10	715	2	300	8	415							758,0	57.745,0

STT	Tên xã	Tổng đàn	Ngày công bố dịch	Ngày công bố hết thời hạn dịch	Số thôn	Số hộ	Số lượng, trọng lượng		Phân loại lợn						Lũy kế (Từ ngày 16/5-2/10)					
							Số lượng	Trọng lượng	Nái		Thịt		Đực		Lợn theo mẹ		Số thôn	Số hộ	Con	Trọng lượng
									Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng				
							Số lượng	Trọng lượng	Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng	Con	Trọng lượng
25	Thọ Cường	5163	24,6		4	5	37	1.981	3	541	34	1440					663,0	42.160,2		
26	Thọ Ngọc	5732	24,6				0	-									473,0	25.369,0		
27	Xuân Thọ	3997	27,6		4	6	7	1.115	6	1.070	1	45					797,0	52.858,0		
28	Thị trấn	552	28,6		2	3	6	458	1	87	5	371					423,0	23.631,5		
29	Thọ Tiến	2383	28,6		1	1	1	78	1	78							188,0	11.332,0		
30	Thọ Sơn	2607	5,7	12,9			0	-									43,0	4.029,0		
31	Bình Sơn	693	9,7	21,8			0	-									31,0	801,0		
32	Tân Ninh	1397	11,7;1.10	21,8	2	3	20	920			20	920					72,0	3.533,0		
33	Thọ Vực	1710	11,7		4	5	13	1.199	7	941	6	258					230,0	19.425,0		
34	Xuân Lộc	1539	12,7		3	3	12	788,0			12	788					326,0	14.621,3		
35	Thọ Bình	5270	30,7		1	1	2	134	1	107	1	27					312,0	14.106,0		
36	Minh châu	1387	6,8		2	2	9	484	1	165	8	319					341,0	27.021,0		